

Số: 81 /TB-CNHAG-TH

Hà Giang, ngày 21 tháng 03 năm 2024

"V/v Chi đạo lãi suất huy động lần 03 năm 2024"

Kính gửi: Phòng khách hàng, PGD trực thuộc Chi nhánh NHCT Hà Giang

Căn cứ công văn số 1895/TGD-NHCT-TC2 ngày 21/03/2024 "Vv chi đạo lãi suất trong hệ thống NHCT lần 04 năm 2024" của TGD NHCTVN;

Căn cứ theo công văn số 1896/TGD-NHCT-TC2 ngày 21/03/2024 "V/v điều chỉnh cơ chế chủ động LSHĐ VNĐ lần 03 năm 2024" của TGD NHCTVN;

Để tạo điều kiện cho các Phòng/PGD thuận lợi trong việc phát triển nguồn vốn huy động, Giám đốc Chi nhánh chỉ đạo lãi suất huy động như sau:

I. Quy định về điều hành lãi suất huy động

- 1. Cơ chế chủ động LSHĐ VNĐ dành cho Khách hàng cá nhân:** Phụ lục 01
- 2. Cơ chế chủ động LSHĐ VNĐ dành cho Khách hàng tổ chức phi TCTD:** Phụ lục 02
- 3. Cơ chế chủ động LSHĐ EUR dành cho KHCN và KH tổ chức phi TCTD:** Phụ lục 03
- 4. Nội dung khác**

- Các mức lãi suất huy động trong phụ lục áp dụng đối với phương thức trả lãi sau. Trường hợp áp dụng phương thức trả lãi trước/ trả lãi định kỳ với các khoản huy động kỳ hạn chẵn tháng, các Phòng/PGD đảm bảo mức lãi suất huy động quy đổi trả lãi sau tối đa bằng mức lãi suất ưu đãi theo cơ chế chủ động (**Đối với sản phẩm rút gốc linh hoạt, NHCT VN bước đầu chỉ triển khai với hình thức trả lãi sau**).

- Mức cộng biên độ lãi suất là mức tối đa. Lãi suất sau khi cộng biên độ không được vượt trần lãi suất huy động theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ. Hiện nay theo Quyết định số 1124/QĐ-NHNN ngày 16/6/2023 của NHNN, trần LSHĐ tối đa VNĐ đối với các kỳ hạn như sau:

Kỳ hạn	Trần LSHĐ VNĐ (*)
Không kỳ hạn và các kỳ hạn dưới 1 tháng	0,50%/năm
Từ 1 tháng đến dưới 6 tháng	4,75%/năm

(*) Mức trần lãi suất huy động nêu trên bao gồm các khoản chi khuyến mại dưới mọi hình thức, áp dụng đối với phương thức trả lãi cuối kỳ và các phương thức trả lãi khác được quy đổi theo phương thức trả lãi cuối kỳ.

II. Tổ chức thực hiện

Thông báo này có hiệu lực từ ngày **22/03/2024** và thay thế thông báo số 39/TB-CNHAG-TH ngày 29/01/2024; Các nội dung khác các Phòng/PGD thực hiện theo chỉ đạo tại công văn số 1895/TGD-NHCT-TC2 ngày 21/03/2024 của TGD NHCT VN; 1896/TGD-NHCT-TC2 ngày 21/03/2024 của TGD NHCT VN.

Nhận được văn bản này, yêu cầu Trưởng các Phòng/PGD tổ chức thực hiện ngay. Trong quá trình thực hiện có vướng mắc báo cáo Giám đốc giải quyết thông qua phòng Tổng hợp (Email: Khanhhd8@vietinbank.vn; ĐT: 02193.888.634)/.

Nơi nhận: *TS*

- NHNN tỉnh HG (để b/c);
- Như đề gửi (T/hiện);
- Ban Giám đốc(C/đạo);
- Lưu VT./.



Nguyễn Thành Long

PHỤ LỤC 01:**CƠ CHẾ CHỦ ĐỘNG LSHĐ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN**

Giám đốc giao quyền chủ động cho Trưởng Phòng, Phó Phòng/PGD áp dụng mức lãi suất huy động phù hợp trên cơ sở tuân thủ các quy định của NHNN, NHCTVN về mức LSHĐ tối đa và các điều kiện về đối tượng khách hàng, kỳ hạn tiền gửi, số tiền gửi và các điều kiện khác của NHCTVN, được quy định cụ thể dưới đây:

1. Đối với sản phẩm TGTK/GTCG/TG CKH VNĐ thông thường (không rút gốc linh hoạt), mức lãi suất huy động sau khi áp dụng tối đa cơ chế chủ động như sau:

Đơn vị: %/năm

STT	Kỳ hạn	Trần LSHĐ VNĐ thông thường	Mức LSHĐ trả lãi sau tối đa sau cơ chế chủ động		
			Số tiền gửi từ 300 triệu đồng trở lên	Số tiền gửi từ 01 tỷ đồng trở lên	KHUT từ hạng Vàng trở lên (*) hoặc Số tiền gửi từ 02 tỷ đồng trở lên
1	Từ 1 tháng đến dưới 2 tháng	1,70	1,70	1,80	1,80
2	Từ 2 tháng đến dưới 3 tháng	1,70	1,70	1,80	1,80
3	Từ 3 tháng đến dưới 6 tháng	2,00	2,00	2,10	2,10
4	Từ 6 tháng đến dưới 11 tháng	3,00	3,00	3,10	3,10
5	Từ 11 tháng đến dưới 12 tháng	3,00	4,50	4,50	4,50
6	Từ 12 tháng đến dưới 24 tháng	4,70	4,70	4,70	4,70
7	Từ 24 tháng	4,80	5,00	5,00	5,00

(*) KHUT bao gồm KHUT và KHUT trải nghiệm/được phê duyệt ứng hạng. Từ hạng Vàng trở lên gồm Vàng, Bạch kim, Kim Cương.

2. Đối với sản phẩm TGTK/GTCG/TG CKH VNĐ thông thường (rút gốc linh hoạt), mức lãi suất huy động sau khi áp dụng tối đa cơ chế chủ động như sau:

Đơn vị: %/năm

STT	Kỳ hạn	Trần LSHĐ VNĐ rút gốc LH	Mức LSHĐ trả lãi sau tối đa sau cơ chế chủ động		
			Số tiền gửi từ 300 triệu đồng trở lên	Số tiền gửi từ 01 tỷ đồng trở lên	KHUT từ hạng Vàng trở lên (*) hoặc Số tiền gửi từ 02 tỷ đồng trở lên
1	Từ 1 tháng đến dưới 2 tháng	1,70	1,70	1,70	1,70
2	Từ 2 tháng đến dưới 3 tháng	1,70	1,70	1,70	1,70
3	Từ 3 tháng đến dưới 6 tháng	2,00	2,00	2,00	2,00
4	Từ 6 tháng đến dưới 11 tháng	3,00	3,00	3,00	3,00
5	Từ 11 tháng đến dưới 12 tháng	3,00	4,30	4,30	4,30
6	Từ 12 tháng đến dưới 24 tháng	4,70	4,70	4,70	4,70
7	Từ 24 tháng	4,80	4,80	4,80	4,80

(*) KHUT bao gồm KHUT và KHUT trải nghiệm/được phê duyệt ứng hạng. Từ hạng Vàng trở lên gồm Vàng, Bạch kim, Kim Cương.

PHỤ LỤC 02:

CƠ CHẾ CHỦ ĐỘNG LSHĐ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC PHI TCTD

Giám đốc giao quyền chủ động cho Trưởng Phòng, Phó Phòng/PGD áp dụng mức lãi suất huy động phù hợp trên cơ sở tuân thủ các quy định của NHNN, NHCTVN về mức LSHĐ tối đa và các điều kiện về đối tượng khách hàng, kỳ hạn tiền gửi, số tiền gửi và các điều kiện khác của NHCTVN, được quy định cụ thể dưới đây:

1. Mức LSHĐ tối đa sau khi áp dụng cơ chế chủ động đối với tiền gửi có kỳ hạn trả lãi sau VND của Khách hàng tổ chức (trừ TCTD, ĐCTC phi TCTD):

Đơn vị: %/năm				
STT	Kỳ hạn	Trần LSHĐ VND thông thường/ rút gốc linh hoạt	Mức LSHĐ trả lãi sau tối đa sau cơ chế chủ động (TG thông thường)	Mức LSHĐ trả lãi sau tối đa sau cơ chế chủ động (TG rút gốc linh hoạt)
			Số tiền gửi từ 3 tỷ đồng trở lên	Số tiền gửi từ 3 tỷ đồng trở lên
1	Từ 1 tháng đến dưới 2 tháng	1,60	1,70	1,60
2	Từ 2 tháng đến dưới 3 tháng	1,60	1,70	1,60
3	Từ 3 tháng đến dưới 6 tháng	1,90	2,00	1,90
4	Từ 6 tháng đến dưới 9 tháng	2,90	3,00	2,90
5	Từ 9 tháng đến dưới 12 tháng	2,90	3,00	2,90
6	Từ 12 tháng đến dưới 18 tháng	4,20	4,30	4,20
7	Từ 18 tháng đến dưới 24 tháng	4,20	4,40	4,20
8	Từ 24 tháng	4,20	4,40	4,20

2. Mức LSHĐ tối đa sau khi áp dụng cơ chế chủ động đối với tiền gửi có kỳ hạn trả lãi sau VND của Khách hàng ĐCTC phi TCTD:

Đơn vị: %/năm				
STT	Kỳ hạn	Trần LSHĐ VND thông thường/ rút gốc linh hoạt đối với KH ĐCTC phi TCTD	Mức LSHĐ trả lãi sau tối đa sau cơ chế chủ động (SP thông thường)	Mức LSHĐ trả lãi sau tối đa sau cơ chế chủ động (SP rút gốc linh hoạt)
			Số tiền gửi từ 5 tỷ đồng trở lên	Số tiền gửi từ 5 tỷ đồng trở lên
1	Từ 1 tháng đến dưới 2 tháng	1,60	1,70	1,60
2	Từ 2 tháng đến dưới 3 tháng	1,60	1,70	1,60
3	Từ 3 tháng đến dưới 6 tháng	1,90	2,00	1,90
4	Từ 6 tháng đến dưới 9 tháng	2,90	3,00	2,90
5	Từ 9 tháng đến dưới 12 tháng	2,90	3,00	2,90
6	Từ 12 tháng đến dưới 18 tháng	4,20	4,30	4,20
7	Từ 18 tháng đến dưới 24 tháng	4,20	4,40	4,20
8	Từ 24 tháng	4,20	4,40	4,20

3. Mức LSHD tối đa sau khi áp dụng cơ chế chủ động đối với tiền gửi có kỳ hạn trả lãi sau VNĐ đối với KH là Ban quản trị nhà chung cư:

- Sản phẩm thông thường:

Đơn vị: %/năm					
STT	Kỳ hạn	Trần LSHD VNĐ thông thường	Mức LSHD trả lãi sau tối đa sau cơ chế chủ động		
			Số tiền gửi từ 500 triệu (đồng trở lên)	Số tiền gửi từ 01 tỷ đồng trở lên	Số tiền gửi từ 03 tỷ đồng trở lên
1	Từ 1 tháng đến dưới 2 tháng	1,70	1,70	1,80	1,80
2	Từ 2 tháng đến dưới 3 tháng	1,70	1,70	1,80	1,80
3	Từ 3 tháng đến dưới 6 tháng	2,00	2,00	2,10	2,10
4	Từ 6 tháng đến dưới 11 tháng	3,00	3,00	3,10	3,10
5	Từ 11 tháng đến dưới 12 tháng	3,00	4,50	4,50	4,50
6	Từ 12 tháng đến dưới 24 tháng	4,70	4,70	4,70	4,70
7	Từ 24 tháng	4,80	5,00	5,00	5,00

- Sản phẩm rút gốc linh hoạt:

Đơn vị: %/năm					
STT	Kỳ hạn	Trần LSHD VNĐ rút gốc linh hoạt	Mức LSHD trả lãi sau tối đa sau cơ chế chủ động		
			Số tiền gửi từ 500 triệu (đồng trở lên)	Số tiền gửi từ 01 tỷ đồng trở lên	Số tiền gửi từ 03 tỷ đồng trở lên
1	Từ 1 tháng đến dưới 2 tháng	1,70	1,70	1,80	1,80
2	Từ 2 tháng đến dưới 3 tháng	1,70	1,70	1,80	1,80
3	Từ 3 tháng đến dưới 6 tháng	2,00	2,00	2,10	2,10
4	Từ 6 tháng đến dưới 11 tháng	3,00	3,00	3,10	3,10
5	Từ 11 tháng đến dưới 12 tháng	3,00	4,30	4,30	4,30
6	Từ 12 tháng đến dưới 24 tháng	4,70	4,70	4,70	4,70
7	Từ 24 tháng	4,80	4,80	4,80	4,80

PHỤ LỤC 03:

**CƠ CHẾ CHỦ ĐỘNG LSHĐ EUR DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN và KH TỎ
CHỨC PHI TCTD**

Giám đốc giao quyền chủ động cho Trưởng Phòng, Phó Phòng/PGD áp dụng mức lãi suất huy động phù hợp trên cơ sở tuân thủ các quy định của NHNN, NHCTVN về mức LSHĐ tối đa và các điều kiện về đối tượng khách hàng, kỳ hạn tiền gửi, số tiền gửi và các điều kiện khác của NHCTVN, được quy định cụ thể dưới đây:

Đơn vị: %/năm			
STT	Kỳ hạn	Trần LSHĐ EUR thông thường/ rút gốc linh hoạt	Mức LSHĐ tra lãi sau tối đa sau cơ chế chủ động (TG thông thường/rút gốc linh hoạt)
			Số tiền gửi từ 10.000 EUR
1	Từ 1 tuần đến dưới 1 tháng	0,30	0,50
2	Từ 1 tháng đến dưới 2 tháng	0,40	0,60
3	Từ 2 tháng đến dưới 3 tháng	0,40	0,60
4	Từ 3 tháng đến dưới 6 tháng	0,50	0,70
5	Từ 6 tháng đến dưới 7 tháng	0,50	0,70
6	Từ 7 tháng đến dưới 12 tháng	0,40	0,60
7	Từ 12 tháng đến dưới 24 tháng	0,30	0,30
8	Từ 24 tháng	0,30	0,30

